

CHUYÊN ĐỀ NGỮ PHÁP: CHUYỂN ĐỔI CỤM TỪ SANG MỆNH ĐỀ (TIME)

Quy tắc chuyển đổi từ Cụm từ (During + Noun Phrase) sang Mệnh đề (While + S + be + V-ing)

1. Công thức và Quy tắc chuyển đổi cốt lõi

Bài giảng này hướng dẫn cách biến đổi một Cụm danh từ chỉ thời gian thành một Mệnh đề trạng ngữ nhằm làm cho câu văn chi tiết, sinh động và nhấn mạnh quá trình đang diễn ra hơn.

Cấu trúc Cụm từ (Phrase): S + V + DURING + [Noun Phrase]

Cấu trúc Mệnh đề (Clause): S + V + WHILE + [S + be + V-ing]

Các bước thực hiện chuyển đổi chi tiết:

- Thay thế giới từ:** Đổi giới từ *during* (trong suốt) thành liên từ *while* (trong khi).
- Biến đổi thành phần:** Đổi tính từ sở hữu (*our, their, his, my...*) thành Đại từ chủ ngữ (*we, they, he, I...*) và chuyển Danh từ gốc (*debate, sleep, meal, stay...*) thành Động từ tương ứng (*debating, sleeping, eating, staying...*)
- Chia thì:** Động từ sau *while* thường được chia ở thì Tiếp diễn (thường là Quá khứ tiếp diễn) để làm nổi bật hành động đang xảy ra xen vào.

* Triết lý dịch: "Dịch là Diệt (IN ENGLISH = TO TRANSLATE IS THE SAME TO KILL)" – thấu hiểu ngữ cảnh để dịch thoát ý, tự nhiên.

2. Hệ thống ví dụ minh họa phong phú (Từ cơ bản đến nâng cao)

Dưới đây là loạt ví dụ chi tiết chuyển đổi từ cấu trúc **During + Noun Phrase** sang **While + S + be + V-ing**:

STT	Cấu trúc Cụm từ (During + Noun Phrase)	Cấu trúc Mệnh đề (While + S + be + V-ing)
1	They dropped in during our debate . (Họ ghé thăm trong suốt cuộc tranh luận của chúng tôi.)	They dropped in while we were debating. (Họ ghé thăm khi chúng tôi đang tranh luận.)
2	Someone stole my bike during my sleep . (Ai đó đã ăn cắp xe đạp của tôi trong khi tôi ngủ.)	Someone stole my bike while I was sleeping.
3	The phone rang during their dinner . (Điện thoại reo trong bữa tối của họ.)	The phone rang while they were having dinner.
4	He got a phone call during his stay in Paris. (Anh ấy nhận được cuộc gọi trong thời gian ở Paris.)	He got a phone call while he was staying in Paris.
5	The lights went out during our exam . (Đèn tắt trong bài kiểm tra của chúng tôi.)	The lights went out while we were taking our exam.
6	She hurt her ankle during her morning run . (Cô ấy bị đau mắt cá chân trong buổi chạy sáng.)	She hurt her ankle while she was running in the morning.
7	He met an old friend during his walk in the park. (Anh ấy gặp người bạn cũ trong lúc đi dạo ở công viên.)	He met an old friend while he was walking in the park.
8	They listened to music during their flight to London. (Họ nghe nhạc trong chuyến bay đến London.)	They listened to music while they were flying to London.
9	The baby woke up during her nap . (Em bé thức dậy trong giấc ngủ trưa.)	The baby woke up while she was taking a nap.
10	We discussed the project during our lunch . (Chúng tôi thảo luận dự án trong bữa trưa.)	We discussed the project while we were having lunch.

3. Bảng so sánh nhanh: Cụm từ vs. Mệnh đề

Đặc điểm	Cấu trúc Cụm từ (Phrase)	Cấu trúc Mệnh đề (Clause)
Từ nối & Thành phần	During + Cụm danh từ (Noun Phrase)	While + Mệnh đề (S + be + V-ing)
Sắc thái biểu đạt	Ngắn gọn, súc tích, mang tính trang trọng.	Nhấn mạnh chi tiết vào quá trình hành động đang diễn ra.

4. Ứng dụng ôn thi tuyển sinh

- **Bài tập Viết lại câu (Sentence Transformation):** Nắm chắc quy tắc chuyển đổi qua lại giữa *During* và *While* giúp học sinh ghi điểm tuyệt đối trong các bài tập chuyển đổi cấu trúc câu tương đương trong kỳ thi tuyển sinh lớp 10 và tốt nghiệp THPT quốc gia.

Chương trình tiếng Anh tương tác "**From ZERO to MASTER**" chạy rất tốt trên các trình duyệt Chrome, Firefox, Cốc Cốc, Opera...

Lưu ý: Không hỗ trợ trên trình duyệt cũ Internet Explorer.

Composed by **Mr. Lê Đại Phong** – www.tienganhhaiphong.vn [CLICK HERE](#)

Phone & Zalo: **0971386608** • Email: **typhoon620@gmail.com**

Chuyên luyện thi cấp tốc vào lớp 10 & tốt nghiệp THPT tại Hải Phòng.